

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2020
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- * **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
- * **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông Trần Anh Dũng.
 2. Ông Trần Văn Thiện.
- * **Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.
- * **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2020 giữa các đương sự:

- * Nguyên đơn: Anh Dương Tất T, sinh năm 1985 (Có mặt)
Nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh B.
- * Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Nơi ĐKKHKT: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh B.
Tạm trú: thôn Vàng, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 26/12/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là anh Dương Tất T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị C kết hôn ngày 28/6/2013, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Đức, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, anh và chị C chung sống tại thôn L, xã H, huyện T, tỉnh B. Vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ tháng 5/2015. Trong cuộc sống anh và chị C tính cách không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi vã, chị C ở cùng nhà nhưng ăn riêng một mình. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn chị C.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung là Dương Ngọc B, sinh ngày 16/3/2014 và Dương Ngọc T, sinh ngày 21/3/2017. Hiện nay anh đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Ngọc T, còn chị C chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Ngọc B. Ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi con chung là Dương Ngọc T, sinh ngày 21/3/2017, còn chị C tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Dương Ngọc B, sinh ngày 16/3/2014. Anh và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

** Tại bản tự khai ghi ngày 30/12/2019 và các lời khai tiếp theo bị đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:*

Chị thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình sống chung như anh T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, chị C trình bày vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn về làm ăn kinh tế. Vợ chồng chị đã ly thân được khoảng nửa năm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: chị C xác nhận vợ chồng chị có 02 con chung là Dương Ngọc B, sinh ngày 16/3/2014 và Dương Ngọc T, sinh ngày 21/3/2017. Hiện nay anh T đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Ngọc T, còn chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Ngọc B. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 con chung/01 tháng kể từ sau khi giải quyết ly hôn xong cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng các đương sự không thống nhất thỏa thuận được.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự giữ nguyên ý kiến về việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Tòa án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phân tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Anh T, chị C không chấp hành có mặt phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải ngày 24/2/2020.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Tất T được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Ngọc B, sinh ngày 16/3/2014. Giao cho anh Dương Tất T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Ngọc T, sinh ngày 21/3/2017.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh T, chị C mỗi người nuôi một con nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Anh Dương Tất T và chị Nguyễn Thị C không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Dương Tất T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị C đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt chị C theo điểm b khoản 02 Điều 227; khoản 01 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Ngày 26 tháng 12 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của anh Dương Tất T với bị đơn là chị Nguyễn Thị C là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Dương Tất T và chị Nguyễn Thị C xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đức, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 03/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa anh T, chị C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho anh Dương Tất T được ly hôn chị Nguyễn Thị C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh T, chị C có 02 con chung là Dương Ngọc B, sinh ngày 16/3/2014 và Dương Ngọc T, sinh ngày 21/3/2017. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em. Xét điều kiện nuôi con thấy: Xác minh tại địa phương cho thấy hiện tại cháu Dương Ngọc B đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Dương Ngọc T đang do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện cả

cháu B và cháu T đều đang phát triển bình thường. Anh T hiện đang công tác tại trung tâm văn hóa huyện Tân Yên, chị C là giáo viên tại trường THCS Hợp Đức, cả hai đều có thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống và đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Nên Hội đồng xét xử thấy không chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu cấp dưỡng của chị C. Cần nên giữ nguyên hiện trạng nuôi con chung của anh T, chị C như hiện nay. Giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Dương Ngọc T, sinh ngày 21/3/2017, giao cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Dương Ngọc B, sinh ngày 16/3/2014 là đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của cháu T, cháu B và phù hợp Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình .

Anh Dương Tất T và chị Nguyễn Thị C không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T, chị C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh T, chị C mỗi người nuôi một con nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[6] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Anh Dương Tất T và chị Nguyễn Thị C không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Tất T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 02 Điều 227; khoản 01 khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Tất T được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Giao cho anh Dương Tất T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Ngọc T, sinh ngày 21/3/2017. Giao cho chị Nguyễn Thị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Ngọc B, sinh ngày 16/3/2014.

Anh Dương Tất T và chị Nguyễn Thị C được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T, chị C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh T, chị C mỗi người nuôi một con nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Anh Dương Tất T và chị Nguyễn Thị C không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Dương Tất T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0006139 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương